

Số: **352** /QĐ-BTTTT

Hà Nội, ngày **17** tháng 3 năm 2016

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết  
Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam**

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CÔNG VĂN PHÒNG

ngày 21/3/16

**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**BỘ TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Bí thư Trung ương Đảng (để b/c);
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ trưởng và các Thứ trưởng;
- BCS Đảng Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Các Sở Thông tin và Truyền thông;
- Công TTĐT của Bộ;
- Lưu: VT, VP, TKTH.



**Nguyễn Bắc Sơn**

## **CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

### **Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng Cộng sản Việt Nam**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số **352**/QĐ-BTTTT ngày **17/3/2016**  
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Cụ thể hóa đường lối, quan điểm của Đảng và tổ chức triển khai thực hiện những nội dung, nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực Thông tin và Truyền thông nêu trong Nghị quyết và các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.

- Quá trình tổ chức thực hiện phải quyết liệt, đồng bộ nhưng phải có trọng tâm, trọng điểm để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 theo tinh thần Nghị quyết và các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát; bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, đổi mới sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

#### **II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN**

##### **1. Quan điểm, định hướng phát triển chung cho ngành Thông tin và Truyền thông**

Phấn đấu từ nay đến năm 2020, xây dựng Việt Nam trở thành một quốc gia mạnh về công nghệ thông tin với hạ tầng thông tin và truyền thông hiện đại; mọi người dân đều được hưởng thụ các dịch vụ thông tin và truyền thông tiên tiến; công tác đảm bảo an toàn thông tin mạng quốc gia được tăng cường nhằm xây dựng môi trường mạng an toàn, tin cậy, qua đó thúc đẩy các ứng dụng công nghệ thông tin rộng rãi trong đời sống xã hội, nhất là quản lý nhà nước và tổ chức chính quyền điện tử; có đủ nhân lực công nghệ thông tin đạt trình độ quốc tế phục vụ cho phát triển kinh tế tri thức và xã hội thông tin; công nghệ thông tin và truyền thông đóng góp tích cực vào tăng trưởng GDP với tỷ lệ ngày càng tăng; có nhiều tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông mạnh làm chủ thị trường nội địa và vươn ra quốc tế; ngành Thông tin và Truyền thông trở thành một ngành kinh tế quan trọng, góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát triển hiệu quả, lành mạnh hệ thống

báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình và các loại hình thông tin khác đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ đất nước và nhu cầu ngày càng cao của nhân dân.

## **2. Quan điểm, định hướng phát triển cho các lĩnh vực cụ thể**

2.1. Về báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại

- Báo chí đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và hoạt động theo quy định của pháp luật. Phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống báo chí, bảo đảm để các cơ quan báo chí thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, tôn chỉ, mục đích, phù hợp với xu hướng phát triển của báo chí hiện đại, nâng cao chất lượng chính trị, chất lượng nghiệp vụ, giá trị văn hóa, giá trị giáo dục của báo chí.

- Sắp xếp lại các cơ quan báo chí trên cơ sở xác định rõ điều kiện hoạt động, tôn chỉ, mục đích, đối tượng phục vụ, nhằm phân bổ và sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước, trên cơ sở ngân sách chỉ đảm bảo cho hoạt động báo chí công ích, có lộ trình giảm dần cấp ngân sách cho các hoạt động báo chí. Phát triển mô hình cơ quan truyền thông đa phương tiện trên cơ sở thí điểm xây dựng một số cơ quan báo chí có đủ điều kiện.

- Công tác thông tin đối ngoại là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài. Gắn kết chặt chẽ giữa thông tin đối ngoại với thông tin đối nội và bám sát các nhiệm vụ kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh. Đổi mới mạnh mẽ nội dung và hình thức thông tin. Tăng cường đầu tư, nhưng có trọng tâm, trọng điểm đúng đối tượng và không dàn trải.

- Thông tin cơ sở là công cụ tuyên truyền và phương tiện chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền, lãnh đạo cơ quan, đơn vị cơ sở; là kênh thông tin, tuyên truyền đến được với đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân trên tất cả các địa bàn; thực hiện được nhiệm vụ thông tin hai chiều: cung cấp, phổ biến thông tin và tiếp nhận, trao đổi thông tin phản ánh của người dân.

- Đổi mới tư duy lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý thông tin điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác theo kịp với sự phát triển của công nghệ thông tin. Chủ động định hướng, cung cấp thông tin kịp thời để làm chủ thông tin, lấy thông tin tích cực, chính thống để đấu tranh chống lại các thông tin sai trái, bịa đặt, vu cáo, phản động trên mạng xã hội, internet. Khuyến khích khai thác, phát triển những tiện ích, lợi thế của thông tin điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên internet phù hợp với lợi ích công cộng.

2.2. Về xuất bản, in và phát hành

- Phát triển hoạt động xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm đáp ứng nhu cầu về xuất bản phẩm của nhân dân, đóng góp tích cực vào việc xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong lĩnh vực xuất bản và phát hành xuất bản phẩm, nhất là tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo và ra nước ngoài.

- Thu hút các nguồn lực xã hội tham gia vào hoạt động xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm theo quy định của pháp luật, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

### 2.3. Về bưu chính

- Bưu chính là ngành kinh tế, dịch vụ quan trọng thuộc kết cấu hạ tầng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển thị trường bưu chính lành mạnh, hiệu quả tạo thêm nhiều việc làm cho xã hội. Duy trì sự phát triển bền vững của các dịch vụ bưu chính truyền thống, đồng thời nghiên cứu phát triển dịch vụ mới trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và nền tảng của thương mại điện tử.

- Phát triển mạng lưới của doanh nghiệp bưu chính trên cơ sở hợp tác kinh doanh với các đối tác trong nước và quốc tế. Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực bưu chính lành nghề.

### 2.4. Về viễn thông, internet, tần số vô tuyến điện

- Viễn thông là ngành kinh tế, kỹ thuật, dịch vụ quan trọng thuộc kết cấu hạ tầng của nền kinh tế quốc dân, có tăng trưởng liên tục và đóng góp ngày càng cao vào GDP của cả nước. Phát triển viễn thông đi trước một bước, đảm bảo công nghệ hiện đại, quản lý và khai thác hiệu quả, tạo cơ sở cho ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực và trong toàn xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân và đảm bảo quốc phòng, an ninh. Nhà nước quan tâm đầu tư đảm bảo việc cung cấp các dịch vụ viễn thông công ích đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

- Bảo đảm thị trường viễn thông phát triển bền vững theo hướng chất lượng, hiệu quả trên cơ sở tạo lập và bảo vệ môi trường cạnh tranh bình đẳng, lành mạnh. Phát huy nội lực, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển viễn thông thông qua chính sách cấp phép kinh doanh viễn thông và từng bước cổ phần hóa các doanh nghiệp viễn thông mà Nhà nước không cần nắm cổ phần chi phối. Mặt khác, Nhà nước tiếp tục nắm cổ phần chi phối trong một số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ có hạ tầng mạng đặc biệt quan trọng đối với hoạt động của toàn bộ cơ sở hạ tầng viễn thông quốc gia và ảnh hưởng trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

- Cơ cấu lại thị trường viễn thông trên cơ sở tổ chức lại các doanh nghiệp viễn thông, đặc biệt là các doanh nghiệp nhà nước hoạt động không hiệu quả, theo hướng cho phép chuyên giao, mua bán, sáp nhập các doanh nghiệp viễn thông nhằm hình thành 03-04 tập đoàn, tổng công ty mạnh, hoạt động theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa trên cơ sở sử dụng hiệu quả cơ sở hạ

tăng, nguồn lực và tài nguyên viễn thông. Kiểm soát chặt chẽ việc tập trung kinh tế và việc quản lý, phân bổ nguồn lực, tài nguyên viễn thông một cách hợp lý để chống xu hướng độc quyền hóa trong hoạt động viễn thông.

- Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp viễn thông có đủ năng lực, điều kiện mở rộng kinh doanh và đầu tư ra thị trường nước ngoài trên cơ sở tuân thủ luật pháp và đảm bảo hiệu quả kinh doanh.

## 2.5. Về công nghệ thông tin

- Công nghệ thông tin là một trong những động lực quan trọng nhất của sự phát triển, hiện đại hóa đất nước, nâng cao toàn diện năng lực quốc gia và hội nhập quốc tế thành công; là con đường nhanh nhất để Việt Nam vượt bẫy thu nhập trung bình, bước vào kinh tế tri thức, xã hội thông tin, tiến cùng thời đại.

- Công nghệ thông tin là trục kết nối quan trọng, có ảnh hưởng quyết định để thực hiện thành công 3 đột phá chiến lược: hoàn thiện thể chế, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng hạ tầng đồng bộ gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy tiến bộ xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh.

- Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin là nhiệm vụ ưu tiên của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội, là nội dung quan trọng của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ Trung ương đến địa phương; đầu tư cho công nghệ thông tin là đầu tư cho phát triển hạ tầng thiết yếu; huy động mọi nguồn lực và lợi thế của đất nước, chủ động và tăng cường hợp tác quốc tế cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin.

- Ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phải đảm bảo khả năng làm chủ, sáng tạo công nghệ, an toàn thông tin, giữ vững chủ quyền quốc gia trên không gian mạng.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và thực hiện chính phủ điện tử. Kết hợp chặt chẽ việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin trong tất cả các ngành, lĩnh vực với việc lựa chọn đúng trọng tâm, trọng điểm trong từng giai đoạn. Trong ứng dụng công nghệ thông tin, trước mắt cần tập trung vào cải cách hành chính, giao thông, giáo dục, y tế, nông nghiệp và trong các doanh nghiệp. Phát triển công nghệ thông tin, tập trung vào nghiên cứu, phát triển và chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, công nghiệp phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin.

- Tăng cường đảm bảo an toàn thông tin mạng là nhiệm vụ thiết yếu song hành cùng hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin. Việc đảm bảo an toàn thông tin sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính phủ điện tử. Công tác đảm bảo an toàn thông tin cần chú trọng

các hoạt động phòng ngừa, ứng cứu linh hoạt, phát triển nguồn nhân lực kỹ thuật có trình độ cao.

### **III. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2020**

#### **1. Về báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin điện tử, thông tin cơ sở và thông tin đối ngoại**

Phát triển các loại hình thông tin, báo chí nhằm góp phần quan trọng vào việc cung cấp tri thức, nâng cao dân trí, hình thành và định hướng dư luận xã hội lành mạnh; tăng cường sự đoàn kết, nhất trí về tư tưởng, chính trị và tinh thần trong nhân dân; biểu dương các nhân tố mới, điển hình tiên tiến; tích cực đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hoá dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại; làm tốt việc dự báo, định hướng phát triển xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

##### **1.1. Báo in**

- Sắp xếp lại các cơ quan báo chí theo mô hình một cơ quan báo chí có nhiều ấn phẩm báo chí. Đến năm 2020, có từ 50% các cơ quan báo chí hoàn thành việc sắp xếp theo mô hình này.

- Giảm tỷ lệ mất cân đối trong thụ hưởng các sản phẩm báo chí in giữa khu vực thành phố, thị xã và vùng nông thôn, vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa.

- Đến năm 2020, các cơ quan báo chí tự chủ về tài chính, trừ những báo, tạp chí do Nhà nước đặt hàng.

##### **1.2. Phát thanh, truyền hình**

- Phát triển hệ thống phát thanh, truyền hình đáp ứng nhu cầu thông tin, tuyên truyền theo định hướng của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và phù hợp xu thế phát triển khoa học, công nghệ tiên tiến của thế giới. Các đài phát thanh, truyền hình tổ chức lại theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, chỉ làm nhiệm vụ sản xuất chương trình và cung cấp nội dung cho dịch vụ truyền thông đa phương tiện. Hạ tầng truyền dẫn, phát sóng và dịch vụ phát thanh, truyền hình được tổ chức lại theo Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020 và Quy hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình Việt Nam đến năm 2020.

- Tăng thời lượng phát sóng các kênh chương trình phát thanh, truyền hình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền thiết yếu của quốc gia và địa phương, bảo đảm đến năm 2020 thời lượng chương trình tự sản xuất, biên tập đạt tỷ lệ tối thiểu là 50%, tỷ lệ chương trình nước ngoài khai thác trên một kênh chương trình không vượt quá 30% trên tổng thời lượng sản xuất, biên tập, phát sóng, cả nước có khoảng 60-70% số hộ gia đình sử dụng dịch vụ truyền hình trả tiền.

- Đến năm 2020, các đài phát thanh, truyền hình tự chủ về tài chính. Nhà nước có cơ chế hỗ trợ, đặt hàng đối với các chuyên mục, chương trình, kênh chương trình phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền thiết yếu, từng bước khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, kém hiệu quả và hoạt động xa rời tôn chỉ mục đích, chạy theo lợi nhuận thuần túy, kiểm soát không đề tư nhân sở hữu và chi phối nội dung phát thanh, truyền hình.

### 1.3. Báo điện tử

- Đến năm 2020, báo điện tử trở thành loại hình báo chí chủ lực của các cơ quan truyền thông đa phương tiện.

- Nhà nước có cơ chế hỗ trợ việc xây dựng và phát triển các báo điện tử phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin, tuyên truyền thiết yếu và phục vụ thông tin đối ngoại.

### 1.4. Thông tin đối ngoại

Tiếp tục quảng bá hình ảnh Việt Nam ổn định và phát triển, nâng cao uy tín, vị thế và ảnh hưởng của Việt Nam ở khu vực và trên trường quốc tế; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả việc đưa thông tin Việt Nam ra nước ngoài và thông tin chính thống từ thế giới vào Việt Nam. Hạn chế những tác động tiêu cực của những thông tin, luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực cơ hội, thù địch.

### 1.5. Thông tin cơ sở

- Nâng cao chất lượng nội dung thông tin, nhất là những thông tin, kiến thức cần thiết đối với đời sống hằng ngày của người dân; đồng thời thông tin có trọng tâm, trọng điểm về những chủ trương, đường lối của Đảng, các văn bản pháp luật, chính sách mới của Nhà nước; những sự kiện quan trọng của quốc tế, trong nước và các hoạt động chính trị, kinh tế - xã hội ở địa phương, cơ sở; chủ động đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, thù địch.

- Đổi mới phương thức thông tin cơ sở lấy đối tượng tuyên truyền trọng tâm là người dân theo hướng chủ động, kịp thời, nhanh nhạy và có sức thuyết phục, phù hợp với trình độ của người dân, điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng, miền; đặc biệt chú ý đến người dân trong xã hội ít có điều kiện được tiếp cận, thụ hưởng thông tin.

### 1.6. Thông tin điện tử

Có cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp trong nước cung cấp thông tin điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên internet; có các giải pháp thu hút người sử dụng, cung cấp thông tin hữu ích, đáp ứng nhu cầu của người sử dụng, nhất là giới trẻ. Các doanh nghiệp và tổ chức trong nước dần chiếm lĩnh các phương thức cung cấp thông tin điện tử trên mạng, đặc biệt là các

mạng xã hội trực tuyến. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng internet vào mục đích xấu, vi phạm pháp luật, đạo đức và các chuẩn mực xã hội.

## **2. Về xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm**

Xuất bản là một lĩnh vực hoạt động tư tưởng sắc bén của Đảng, Nhà nước và nhân dân, là một bộ phận quan trọng của nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Hoạt động xuất bản phải coi trọng việc phục vụ nhiệm vụ chính trị, tư tưởng, đáp ứng nhu cầu đọc của nhân dân, đồng thời phải thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh. Đẩy mạnh xã hội hoá, huy động các nguồn lực để phát triển sự nghiệp xuất bản, in và phát hành.

### **2.1. Xuất bản**

- Nâng cao năng lực hoạt động của các nhà xuất bản.

- Duy trì nhịp độ tăng trưởng về số lượng xuất bản phẩm, trong đó 20-30% là xuất bản phẩm điện tử, phấn đấu đến năm 2020 đạt khoảng 450 triệu bản, tương đương 05 bản/người/năm.

### **2.2. In**

Tiếp tục tăng cường hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2020 có 50-60% số cơ sở in sử dụng công nghệ, thiết bị in hiện đại.

### **2.3. Xuất bản phẩm**

- Đến năm 2020, 70% số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có ít nhất 01 trung tâm phát hành xuất bản phẩm hiện đại; mỗi quận, huyện có ít nhất 01 cơ sở phát hành xuất bản phẩm; mỗi xã, phường, thị trấn có ít nhất 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm.

- Kim ngạch xuất khẩu xuất bản phẩm tăng khoảng 3,0 lần so với năm 2013.

## **3. Về bưu chính**

- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách về bưu chính; đảm bảo thị trường bưu chính hoạt động ổn định, cạnh tranh lành mạnh, tăng cường hiệu quả công tác công tác quản lý nhà nước.

- Tăng cường hợp tác quốc tế sâu rộng (đa phương và song phương) để hợp tác, phát triển kinh doanh, học tập kinh nghiệm quản lý tiên tiến, tiếp thu chuyển giao và tiến tới làm chủ công nghệ hiện đại.

- Nghiên cứu, phát triển các dịch vụ bưu chính mới trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và trên nền tảng của thương mại điện tử; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cung ứng dịch vụ bưu chính nhằm nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội và người dân, đóng góp vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển chính phủ điện tử từ Trung ương đến địa phương, tham gia cung cấp dịch vụ công của các cơ quan nhà nước.



- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn lành nghề, có phẩm chất tốt, làm chủ công nghệ, phù hợp với việc phát triển các dịch vụ mới; nâng cao năng suất, chất lượng lao động bưu chính đạt mức ngang bằng trình độ các nước trong khu vực.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối thông tin phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước, quốc phòng, an ninh. Tiếp tục thực hiện tốt việc cung ứng các dịch vụ bưu chính công ích tới tất cả các vùng, miền trong cả nước; củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng bưu chính công cộng do Nhà nước đầu tư, trong đó chú trọng các Điểm Bưu điện – Văn hóa xã.

#### **4. Về viễn thông, internet, tần số vô tuyến điện**

##### **4.1. Phổ cập và phát triển hạ tầng hệ thống viễn thông, internet**

- Xây dựng hạ tầng thông tin quốc gia trên cơ sở chuẩn hóa, đồng bộ, liên thông, đảm bảo khả năng tiếp cận và sử dụng cho tất cả các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Triển khai kết nối băng rộng, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Mở rộng kết nối với các nước trong khu vực và trên thế giới. Triển khai hiệu quả mạng truyền số liệu chuyên dùng trong các cơ quan Đảng và Nhà nước.

- Đến năm 2020: tỷ lệ hộ gia đình có truy cập internet đạt 35-40%; tỷ lệ người sử dụng internet đạt 55-60%; tỷ lệ thuê bao băng rộng di động đạt 35-40 thuê bao/100 dân; phủ sóng thông tin di động đến trên 95% dân số cả nước, các tuyến đường giao thông, quốc lộ, tỉnh lộ, các điểm trọng yếu kinh tế, quốc phòng, an ninh; 100% các xã, phường, thị trấn có điểm cung cấp dịch vụ viễn thông công cộng được kết nối internet băng rộng; tốc độ tăng trưởng viễn thông đạt khoảng 1,2-1,5 lần tốc độ tăng trưởng của GDP; tổng doanh thu viễn thông đạt từ 15-17 tỷ USD, chiếm khoảng 6-7% GDP. Việt Nam nằm trong số 55 nước đứng đầu trong bảng xếp hạng của ITU (thuộc nhóm 1/3 nước dẫn đầu).

##### **4.2. Tần số, vô tuyến điện**

- Phát triển thông tin vô tuyến điện theo hướng hiện đại, đồng bộ và ổn định lâu dài, phù hợp với xu hướng phát triển của quốc tế, đáp ứng các nhu cầu về thông tin phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh, góp phần thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.

- Từng bước triển khai lộ trình số hóa mạng truyền dẫn, phát sóng truyền hình số mặt đất phù hợp với điều kiện thực tế về thiết bị thu truyền hình số của người dân trên từng địa bàn cụ thể. Ngừng việc sử dụng công nghệ truyền hình cáp tương tự trước năm 2020 để chuyển hoàn toàn sang công nghệ số với 100% các mạng cáp dọc các tuyến đường, phố chính tại trung tâm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được ngầm hoá; công nghệ số được áp dụng rộng rãi trong truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình. Các hộ gia đình ở vùng sâu,

vùng xa, miền núi, hải đảo được cung cấp thiết bị thu các kênh chương trình phát thanh, truyền hình kỹ thuật số với giá cả phù hợp.

## **5. Về công nghệ thông tin**

### **5.1. Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin**

- Phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thành ngành kinh tế - kỹ thuật chủ lực, tăng trưởng nhanh và bền vững, là ngành đi đầu, có vai trò dẫn dắt, tạo nền tảng cho quá trình chuyển sang kinh tế tri thức. Sản xuất được các thiết bị, cấu phần thiết yếu của các hệ thống thông tin quan trọng, cơ sở dữ liệu quốc gia, chủ động trong bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- Xây dựng các công viên phần mềm, khu công nghệ thông tin tập trung hiện đại. Hình thành được một số tập đoàn công nghệ thông tin đẳng cấp quốc tế, có khả năng cạnh tranh trên thế giới, đồng thời phát triển mạnh doanh nghiệp công nghệ thông tin vừa và nhỏ.

- Nâng cao năng lực tiếp thu, làm chủ và sáng tạo về công nghệ thông tin. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, giữ vững chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, sẵn sàng, chủ động đối phó với chiến tranh mạng, chiến tranh thông tin, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

### **5.2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin**

- Ứng dụng công nghệ thông tin là giải pháp thiết yếu bảo đảm thành công ba đột phá chiến lược: thực hiện có hiệu quả chương trình cải cách hành chính, gắn kết chặt chẽ với việc xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở mức độ cao nhất; hiện đại hóa kết cấu hạ tầng, xây dựng các trục, mạng hạ tầng chính như giao thông thông minh, lưới điện thông minh, cấp nước thông minh, đô thị thông minh; tạo chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng nguồn nhân lực, thực hiện số hóa, ứng dụng toàn diện công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo, đi đôi với đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, thúc đẩy xã hội học tập, đáp ứng sự chuyển biến nhanh chóng trong đời sống kinh tế - xã hội.

- Ứng dụng rộng rãi và hiệu quả công nghệ thông tin trong mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội. Nâng cao chất lượng sống của người dân thông qua việc cung cấp các dịch vụ công trực tuyến cơ bản (y tế, giáo dục, thẻ dân cư điện tử...) và các dịch vụ điện tử khác. Các tổ chức, doanh nghiệp đều ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động.

- Tích hợp các hệ thống thông tin, tạo lập môi trường mạng rộng khắp phục vụ đa số các hoạt động của các cơ quan nhà nước. Hầu hết các giao dịch của các cơ quan nhà nước được thực hiện trên môi trường điện tử, dựa trên nhiều phương tiện khác nhau. Hầu hết các dịch vụ công được cung cấp trực

tuyển mức độ 3 và 4, đáp ứng nhu cầu thực tế, phục vụ người dân và doanh nghiệp mọi lúc, mọi nơi. Thực hiện cơ chế thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công.

### 5.3. An toàn thông tin

- Hành lang pháp lý về an toàn thông tin cơ bản được hoàn thiện, phù hợp với xu thế phát triển và thông lệ quốc tế, đồng thời đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước về an toàn thông tin trong thời kỳ mới. Nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật về an toàn thông tin của người sử dụng công nghệ thông tin tại Việt Nam có sự chuyển biến mạnh mẽ.

- Tổ chức, bộ máy về an toàn thông tin được kiện toàn; mạng lưới điều phối ứng cứu sự cố an toàn thông tin hoạt động hiệu quả với sự tham gia của các cơ quan chức năng, các tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế; nguồn nhân lực an toàn thông tin đáp ứng được yêu cầu thực tiễn cả về số lượng lẫn chất lượng.

- Xây dựng và vận hành có hiệu quả các hệ thống hạ tầng kỹ thuật tập trung quy mô quốc gia phục vụ công tác bảo đảm an toàn thông tin; các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia được áp dụng các biện pháp bảo vệ tương xứng, liên tục từ giai đoạn thiết kế, xây dựng, vận hành và sử dụng; các hệ thống thông tin quan trọng khác hiện có được áp dụng bổ sung biện pháp bảo vệ một cách phù hợp.

- Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin cơ bản được hình thành; công tác kiểm định, đánh giá tính tuân thủ, phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn thông tin được triển khai thực hiện.

- Thị trường dịch vụ an toàn thông tin do doanh nghiệp trong nước đóng vai trò chủ đạo; thị trường sản phẩm an toàn thông tin có sự tham gia tích cực của nhiều doanh nghiệp trong nước.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực an toàn thông tin nhằm tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm của các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước là đối tác hợp tác chiến lược toàn diện, đối tác chiến lược, đối tác truyền thống của Việt Nam.

## IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

### 1. Nâng cao nhận thức về vai trò của thông tin và truyền thông

Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của tổ chức trong hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về xã hội thông tin, kinh tế tri thức và vai trò của thông tin và truyền thông trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; làm cho lãnh đạo các cấp, các ngành nhận thức được thông tin và truyền thông là lĩnh vực quan trọng và ưu tiên của quốc

gia; quan tâm tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ mạnh mẽ cho phát triển thông tin và truyền thông.

## **2. Hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách, thực hiện tốt các chiến lược và quy hoạch**

Rà soát, hoàn thiện, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường thuận lợi hỗ trợ phát triển thông tin và truyền thông đáp ứng các yêu cầu về hội nhập toàn diện kinh tế quốc tế, bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia; tăng cường và phát huy nội lực, thúc đẩy hợp tác và cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp; tạo điều kiện để mọi thành phần kinh tế có cơ hội bình đẳng tham gia thị trường; hoàn thiện các thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong lĩnh vực thông tin và truyền thông và bắt kịp xu hướng hội tụ công nghệ và dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin - truyền thông. Có các chính sách cung cấp các dịch vụ công ích phù hợp để đảm bảo cung cấp thông tin và tạo điều kiện cho đồng bào vùng sâu, vùng xa có thể truy cập được các nguồn thông tin, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần.

Triển khai thực hiện đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng các đề án trong Chương trình công tác trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2016-2020 (Phụ lục 1, 2) và xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ Thông tin và Truyền thông để hoàn thiện hành lang pháp lý trong quản lý nhà nước và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện quản lý, điều hành, thực thi nhiệm vụ và phát triển sản xuất, kinh doanh góp phần thúc đẩy phát triển ngành, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và đáp ứng mọi nhu cầu của xã hội, người dân về thông tin liên lạc.

Tiếp tục xây dựng và triển khai thực hiện các chiến lược và quy hoạch trong lĩnh vực thông tin và truyền thông đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 nhằm sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguồn vốn đầu tư, nguồn tài nguyên và các nguồn lực quốc gia khác bảo đảm thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, giữ vững chủ quyền quốc gia. Từng lĩnh vực cụ thể cần rà soát, cập nhật, bổ sung hoặc xây dựng mới các chiến lược, quy hoạch, bảo đảm phát huy cao độ tính độc lập, tự chủ và sáng tạo.

## **3. Phát triển thị trường thông tin và truyền thông, đẩy mạnh cổ phần hóa, tái cơ cấu và đổi mới mô hình doanh nghiệp**

Phát huy thế mạnh của mọi thành phần kinh tế, nhanh chóng làm chủ thị trường trong nước, từng bước mở rộng ra thị trường khu vực và thế giới, đồng thời tăng cường xây dựng và làm giàu hình ảnh thương hiệu “Thông tin và truyền thông Việt Nam”. Tập trung đầu tư phát triển các sản phẩm, dịch vụ thông tin và truyền thông Việt Nam với hàm lượng sáng tạo ngày càng cao. Các

doanh nghiệp chủ lực về thông tin và truyền thông có kế hoạch, lộ trình tăng cường năng lực cạnh tranh và có trình độ chuyên môn hóa cao. Thiết lập các liên minh, liên kết chặt chẽ giữa các doanh nghiệp trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; tăng cường thực hiện sử dụng chung cơ sở hạ tầng đảm bảo hiệu quả vốn đầu tư của các doanh nghiệp và các ngành khác.

Thực hiện cổ phần hóa, tạo áp lực đổi mới thực sự lên các doanh nghiệp nhà nước. Thúc đẩy và bảo vệ cạnh tranh lành mạnh nhằm đem lại lợi ích tốt nhất cho Nhà nước – doanh nghiệp – xã hội. Tiếp tục tái cơ cấu các doanh nghiệp Nhà nước, áp dụng quản trị doanh nghiệp hiện đại để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp thông tin và truyền thông. Nghiên cứu áp dụng các mô hình doanh nghiệp sáng tạo mới với các hình thức khác nhau nhằm đa dạng hóa các hình thức sở hữu.

Hỗ trợ, khuyến khích việc ra đời của các doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông vừa và nhỏ. Hỗ trợ hình thành theo cơ chế thị trường các doanh nghiệp công nghệ thông tin và truyền thông lớn, kinh doanh hiệu quả, năng lực cạnh tranh cao, trở thành các tập đoàn kinh tế mạnh, từng bước mở rộng ra thị trường khu vực và thế giới. Đến năm 2020, nhiều doanh nghiệp, tập đoàn công nghệ thông tin và truyền thông của Việt Nam hoạt động sản xuất, kinh doanh hiệu quả, đạt trình độ, quy mô thế giới, trong đó một số doanh nghiệp có tổng doanh thu đạt trên 15 tỷ USD.

#### **4. Phát triển mạnh nguồn nhân lực**

Hoàn thiện hệ thống chương trình đào tạo, dạy nghề thống nhất và chuyên nghiệp về thông tin và truyền thông trong cả nước, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất và hợp tác quốc tế trong đào tạo, đảm bảo cung cấp nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao. Đẩy mạnh các hoạt động đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đặc biệt là nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý nhà nước và sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích và tạo điều kiện phát triển các mô hình xã hội hóa, mô hình đào tạo theo nhu cầu của thị trường, mô hình đào tạo liên kết “Doanh nghiệp – Viện – Trường”, mô hình liên danh, liên kết quốc tế... để cung cấp cho thị trường nguồn nhân lực đủ về số lượng, cao về trình độ và chất lượng, đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Có chính sách và chế độ đãi ngộ đặc biệt để thu hút nhân tài, khuyến khích chuyên gia trong và ngoài nước, đặc biệt đối với người Việt Nam ở nước ngoài có trình độ, năng lực, kinh nghiệm, vị trí và điều kiện thuận lợi trong lĩnh vực thông tin và truyền thông tham gia đóng góp cho phát triển ngành thông tin và truyền thông của đất nước.

Đề xuất cơ chế, chính sách đãi ngộ cho cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tham gia công tác quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông để thu hút

nguồn nhân lực đặc thù, có chuyên môn cao; triển khai quy hoạch phát triển nhân lực của ngành Thông tin và Truyền thông; phối hợp với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp để thực hiện đào tạo và cung ứng nhân lực theo nhu cầu của ngành, doanh nghiệp và xã hội.

#### **5. Tăng cường tổ chức bộ máy quản lý của nhà nước và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa hành chính**

Tăng cường bộ máy quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông theo mô hình quản lý đa ngành, đa lĩnh vực phù hợp với xu thế hội tụ công nghệ và dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin - truyền thông. Tổ chức hợp lý bộ máy quản lý nhà nước trên cơ sở phân biệt rõ các tổ chức có chức năng xây dựng chính sách, luật pháp với các tổ chức có chức năng thực thi pháp luật; tăng cường năng lực các tổ chức thực thi pháp luật; hình thành hệ thống quản lý nhà nước mạnh theo nguyên tắc “Năng lực quản lý đón đầu yêu cầu phát triển”.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và tăng cường công tác kiểm soát thủ tục hành chính; tiếp tục thống kê, rà soát và công bố công khai thủ tục hành chính, lĩnh vực thông tin và truyền thông. Đơn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện nghiêm túc phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính để tiết kiệm thời gian, giảm chi phí cho doanh nghiệp và người dân trong việc thực hiện các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ. Hoàn thiện các quy định về kiểm soát thủ tục hành chính, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật và kiểm soát thủ tục hành chính.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước gắn với việc đổi mới phương thức điều hành của hệ thống hành chính, tạo sự công khai, minh bạch trong công tác quản lý nhà nước. Thông tin, tuyên truyền về các bộ, ban, ngành, địa phương nhận thức rõ được sự cần thiết của việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước; tăng cường nội dung của các hệ thống thông tin và các trang thông tin điện tử; nâng cao chất lượng, hiệu quả hình thức điều hành, họp trực tuyến tại các cấp, các ngành, các địa phương; hiện đại hóa trao đổi văn bản, quản lý hồ sơ công việc liên thông giữa cơ quan Bộ và các đơn vị trong và ngoài Bộ.

Tham mưu, đề xuất những cơ chế, chính sách để các bộ, ngành, địa phương triển khai hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước để nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin, đồng thời giảm đầu tư từ ngân sách nhà nước, đặc biệt là áp dụng trong cung cấp các dịch vụ công trực tuyến để góp phần cải thiện môi trường kinh doanh tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Triển khai nhân rộng các mô hình điển hình về ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện cải cách hành chính và cung cấp dịch vụ công trong toàn quốc. Xây dựng, hoàn thiện phương pháp đánh giá, xếp loại mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan

thuộc Chính phủ và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Tăng cường triển khai, duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO theo TCVN ISO 9001:2008 tại các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước để thúc đẩy hoạt động nghiệp vụ, nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả.

Chỉ đạo các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ bưu chính đáp ứng kịp thời cho các cơ quan, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp; thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức qua dịch vụ bưu điện để giảm thiểu tiêu cực, nhũng nhiễu, tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí và giảm thời gian đi lại cho người dân.

## **6. Mở rộng hợp tác quốc tế, thu hút đầu tư, huy động các nguồn vốn**

Mở rộng hợp tác quốc tế và đưa quan hệ với các đối tác trong lĩnh vực thông tin và truyền thông đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế và chủ động, tích cực đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, khai thác tối đa các cơ hội thuận lợi, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực để mở rộng thị trường, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho phát triển của Ngành.

Hình thành môi trường nuôi dưỡng, phát triển và đón đầu cuộc cách mạng khoa học công nghệ, sẵn sàng về cơ sở hạ tầng vật chất, hậu cần, nguồn nhân lực để thu hút các tập đoàn thông tin và truyền thông lớn trên thế giới đầu tư, triển khai hoạt động nghiên cứu và phát triển thông tin và truyền thông tại Việt Nam. Huy động vốn đầu tư từ các nguồn vốn trong nước và quốc tế, ưu tiên nguồn vốn tín dụng ngân hàng, cổ phần hoá, thị trường chứng khoán, tích lũy, ODA... cho phát triển thông tin và truyền thông. Đề xuất cơ chế, chính sách về tài chính, tín dụng, đầu tư, thuế... phù hợp với đặc thù của ngành thông tin và truyền thông.

## **7. Thực hiện chính sách tài khóa chặt chẽ, triệt để tiết kiệm**

Các cơ quan, đơn vị rà soát, chỉ đạo, quản lý chặt chẽ các khoản chi ngân sách nhà nước theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước. Triệt để tiết kiệm chi cho bộ máy quản lý nhà nước, sự nghiệp công, cắt giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, chi công tác nước ngoài, chi cho lễ hội, lễ kỷ niệm, khởi công, khánh thành, tổng kết và các khoản chi chưa cần thiết khác. Nghiên cứu, có giải pháp khắc phục tình trạng chồng chéo, lãng phí, kém hiệu quả trong việc bố trí kinh phí và triển khai thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Triển khai kịp thời những chính sách, chế độ tài chính, đầu tư công của Nhà nước đảm bảo hoạt động có hiệu quả và đáp ứng phát triển các lĩnh vực quản lý của Ngành.

Hoàn thiện và tổ chức triển khai thực hiện sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt Kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước trung hạn 5 năm

2016-2020, Kế hoạch phát triển ngành 5 năm giai đoạn 2016-2020, Kế hoạch cung ứng dịch vụ công và Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2020, Chương trình hỗ trợ mục tiêu về Công nghệ thông tin giai đoạn 2016-2020, Dự án thành phần Giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, Dự án thành phần Tăng cường cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin truyền thông cơ sở thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

### **8. Đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội**

Các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan tiếp tục tham gia, phối hợp để triển khai các hoạt động đảm bảo an sinh xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, thể hiện rõ tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Tiếp tục và đẩy mạnh triển khai một số chương trình, dự án, tiểu dự án có sự lồng ghép đảm bảo hiệu quả, cụ thể là: Chương trình mục tiêu đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích; Cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và hoàn thiện để nâng cao hoạt động có hiệu quả hệ thống Điểm Bưu điện - Văn hóa xã; Dự án "Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet công cộng tại Việt Nam"; Chi trả lương hưu và trợ cấp Bảo hiểm xã hội và các dịch vụ thu tiền tại nhà, hành chính công qua hệ thống bưu điện; Cổng thông tin nhân đạo quốc gia 1400.

### **9. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường công tác thanh tra, phòng chống tham nhũng, lãng phí**

Chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở; đề cao vai trò giám sát của nhân dân đối với hoạt động thông tin và truyền thông. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại, tập trung chỉ đạo giải quyết những kiến nghị chính đáng của doanh nghiệp và nhân dân trong các lĩnh vực quản lý của Bộ. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm những hành vi xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân và lợi dụng dân chủ gây phương hại cho đất nước.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trên tất cả các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, viễn thông, thông tin điện tử.

Triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo kết luận của Hội nghị Trung ương 5 (Khóa XI). Chú trọng thực hiện có hiệu quả các giải pháp phòng ngừa tham nhũng; tăng cường thanh tra, kiểm tra, điều tra phát hiện tham nhũng và xử lý nghiêm, kịp thời các hành vi tham nhũng. Thực hiện nghiêm túc việc tiếp công dân định kỳ hoặc đột xuất, giải quyết kịp thời những vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền ngay từ khi mới phát sinh.



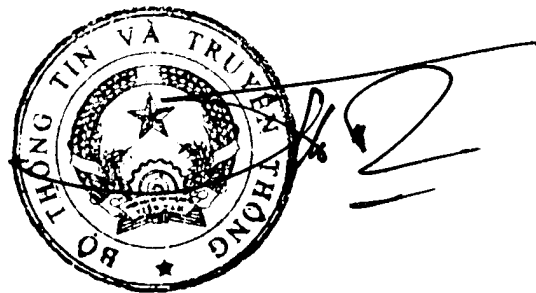
## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ theo chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung trong Chương trình hành động này, bảo đảm đúng tiến độ, bám sát với các nội dung được nêu trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng và các văn bản chỉ đạo, điều hành của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông trong các giai đoạn trước đây và trong cả nhiệm kỳ 2016-2020. Xây dựng Chương trình hành động cụ thể hàng năm của tổ chức, đơn vị gửi về Bộ Thông tin và Truyền thông (qua Văn phòng) trước ngày 30 tháng 01 hàng năm.

2. Giao Văn phòng Bộ chủ trì theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình hành động; báo cáo, kiến nghị Bộ trưởng ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền các biện pháp cần thiết nhằm bảo đảm Chương trình hành động được thực thi hiệu quả và đồng bộ; hàng năm, kiểm điểm, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao của Bộ Thông tin và Truyền thông, đề xuất Chương trình công tác, các giải pháp chỉ đạo, điều hành cho năm tiếp theo.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể của Chương trình hành động, các cơ quan, đơn vị chủ động báo cáo Bộ trưởng (qua Văn phòng) để xem xét, quyết định. / *na*

**BỘ TRƯỞNG**



**Nguyễn Bắc Sơn**

**Phụ lục 1**  
**DANH MỤC ĐỀ ÁN CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  
**TRÌNH BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ**  
**NHIỆM KỲ 2016-2021**

TT	Tên đề án	Dự kiến thời gian trình	Cấp trình			Đơn vị chủ trì
			BCH TW	BCT	BBT	
<b>I. Đề án tiếp tục hoàn thiện</b>						
1	Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng Đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới				x	Vụ TTCS
<b>II. Đề án mới xây dựng</b>						
1	Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Kết luận số 16-KL/TW ngày 14 tháng 02 năm 2012 của Bộ Chính trị về chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020 trong tình hình mới	Quý I/2017			x	Cục TTĐN
2	Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường công tác đảm bảo an toàn thông tin trên mạng trong tình hình mới	Quý II/2017			x	Cục ATTT

**Phụ lục 2**  
**DANH MỤC ĐỀ ÁN CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  
**ĐĂNG KÝ TRÌNH CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
**NHIỆM KỲ 2016-2021**

*(Trong quá trình thực hiện, hàng năm, Bộ TTTT sẽ tiếp tục phối hợp với Văn phòng Chính phủ rà soát, điều chỉnh lại danh mục để đưa vào Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên đề án	Cấp trình		Đơn vị chủ trì thực hiện	Dự kiến năm trình
		TTgCP	CP		
1.	Đề án Giải thưởng Sách Quốc gia	x		Cục XBIPH	2016
2.	Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực thông tin, truyền thông và báo chí		x	Vụ KHTC	2016
3.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin cơ sở	x		Vụ TTCS	2016
4.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ TTTT	x		Vụ KHTC	2016
5.	Quy hoạch hệ thống báo chí đối ngoại đến năm 2020	x		Viện CL TT&TT	2016
6.	Nghị định quy định chi tiết về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng		x	Cục ATTT	2016
7.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông		x	Cục VT	2016
8.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ TTTT	x		Vụ TCCB	2016
9.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước	x		Vụ BC	2016
10.	Nghị định quy định bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ an toàn thông tin		x	Cục ATTT	2016
11.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia	x		Cục TS VTĐ	2016
12.	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông		x	Vụ TCCB	2016

TT	Tên đề án	Cấp trình		Đơn vị chủ trì thực hiện	Dự kiến năm trình
		TTgCP	CP		
13.	Đề án Giám sát an toàn thông tin đối với hệ thống dịch vụ công nghệ thông tin của Chính phủ điện tử phạm vi toàn quốc	x		VNCERT	2016
14.	Đề án Đẩy mạnh hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố, tăng cường năng lực cho các cán bộ, bộ phận chuyên trách ứng cứu sự cố mạng (CERT) trên toàn quốc	x		VNCERT	2016
15.	Đề án đề xuất cơ chế ưu đãi thí điểm cho các cán bộ kỹ thuật an toàn thông tin và lực lượng ứng cứu sự cố an toàn mạng	x		VNCERT	2016
16.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành phương án ứng cứu thảm họa thông tin quốc gia	x		Cục ATTT	2017
17.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục hệ thống thông tin quan trọng quốc gia	x		Cục ATTT	2017
18.	Đề án Nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại, cải thiện mức độ tin cậy của quốc gia trong hoạt động giao dịch điện tử theo hướng xã hội hóa	x		Cục ATTT	2017
19.	Đề án Hỗ trợ phát triển một số sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng nội địa	x		Cục ATTT	2017
20.	Đề án kiện toàn đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin cơ sở ở cấp huyện và cấp xã	x		Vụ TTCS	2017
21.	Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Báo chí		x	Cục BC	2017
22.	Chiến lược phát triển thông tin quốc gia tới 2025, tầm nhìn 2030	x		Cục BC	2017
23.	Đề án Quy hoạch phát triển an toàn thông tin mạng đến năm 2030	x		Cục ATTT	2019
24.	Đề án sửa đổi Luật Viễn thông		x	Cục VT	2019
25.	Đề án tiếp tục thực hiện cổ phần hóa các doanh nghiệp viễn thông giai đoạn 2020-2025	x		Cục VT	2019
26.	Đề án Kế hoạch bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025	x		Cục ATTT	2020
27.	Đề án quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2030	x		Cục VT	2020
28.	Đề án cung cấp dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2021-2025	x		Cục VT	2020
29.	Nghị định của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin cơ sở		x	Vụ TTCS	2020

**Phụ lục 3**  
**CÁC ĐỀ ÁN CỦA BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**  
**ĐƯỢC ĐƯA VÀO CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC CỦA**  
**CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ NĂM 2016**

TT	Tên đề án	Dự kiến thời gian trình	Cấp trình		Đơn vị chủ trì
			TTgCP	CP	
1.	Đề án Giải thưởng Sách Quốc gia	Quý I	x		Cục XBIPH
2.	Nghị định của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực thông tin truyền thông và báo chí	Quý II		x	Vụ KHTC
3.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin cơ sở	Quý II	x		Vụ TTCS
4.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước của Bộ TTTT	Quý II	x		Vụ KHTC
5.	Quy hoạch hệ thống báo chí đối ngoại đến năm 2020	Quý II	x		Viện CL TT&TT
6.	Nghị định quy định chi tiết về điều kiện cấp Giấy phép kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng	Tháng 6		x	Cục ATTT
7.	Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 của Chính phủ quy định hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông	Quý III		x	Cục VT
8.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ TTTT	Quý III	x		Vụ TCCB
9.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về mạng bưu chính phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước	Quý III	x		Vụ BC
10.	Nghị định quy định bảo vệ hệ thống thông tin theo cấp độ an toàn thông tin	Tháng 11		x	Cục ATTT
11.	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia	Tháng 11	x		Cục TS VTĐ
<b>Tổng số: 11</b>			<b>07</b>	<b>04</b>	

#### **Phụ lục 4**

### **DANH MỤC CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ, BAN BÍ THƯ BAN HÀNH GIAI ĐOẠN 2004-2015**

1. Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 25/8/2004 về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản.
2. Thông báo kết luận số 162-TB/TW ngày 01/12/2004 của Bộ Chính trị (khóa X) về “Một số biện pháp tăng cường quản lý báo chí trong tình hình hiện nay”.
3. Thông báo Kết luận số 41-TB/TW ngày 11-10-2006 của Bộ Chính trị yêu cầu đánh giá nghiêm túc 2 năm thực hiện Thông báo Kết luận 162-TB/TW của Bộ Chính trị về công tác báo chí.
4. Thông báo Kết luận số 68-TB/TW ngày 30/3/2007 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với báo chí.
5. Kế hoạch 03-KH/TW ngày 09/5/2007 của Ban Bí thư về một số biện pháp cụ thể nhằm thực hiện Thông báo kết luận 68-TB/TW.
6. Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 01/8/2007 của Hội nghị Trung ương 5 (khóa X) về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới.
7. Chỉ thị số 26-CT/TW ngày 10/9/2008 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác TTĐN trong tình hình mới.
8. Nghị quyết số 13-NQ/TW 16/01/2012 của Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương (khóa XI) về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.
9. Kết luận số 16-KL/TW ngày 14/2/2012 của Bộ Chính trị về Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011 – 2020.
10. Chỉ thị số 30-CT/TW ngày 25/12/2013 của Bộ Chính trị về phát triển và tăng cường quản lý báo chí điện tử, mạng xã hội và các loại hình truyền thông khác trên Internet.
11. Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Hội nghị Trung ương 9 (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
12. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.
13. Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015-2030.
14. Đã trình: dự thảo Chỉ thị của Ban Bí thư về đẩy mạnh công tác thông tin cơ sở trong tình hình mới.

**Phụ lục 5**  
**CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC BAN HÀNH, THÔNG QUA**  
**GIAI ĐOẠN 2007-2010**

-----

**Phụ lục 5.1**  
**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC QUỐC HỘI BAN HÀNH**  
**GIAI ĐOẠN 2006 – 2010**

STT	Số và ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
1.	16/2008/QH12	03/6/2008	Luật Xuất bản sửa đổi.
2.	41/2009/QH12	04/12/2009	Luật Viễn thông.
3.	42/2009/QH12	04/12/2009	Luật Tần số vô tuyến điện.
4.	49/2010/QH12	28/6/2010	Luật Bưu chính.

**Phụ lục 5.2**  
**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN DO CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
**BAN HÀNH GIAI ĐOẠN 2006-2010**

STT	Số và ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
<b>Nghị định</b>			
1.	26/2007/NĐ-CP	15/02/2007	Quy định chi tiết về chữ ký số và chứng thư số; việc quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số.
2.	63/2007/NĐ-CP	10/4/2007	Về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực CNTT.
3.	64/2007/NĐ-CP	10/4/2007	Về ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN.
4.	71/2007/NĐ-CP	03/5/2007	Quy định chi tiết một số điều Luật CNTT về Công nghiệp CNTT.
5.	128/2007/NĐ-CP	02/8/2007	Về dịch vụ chuyên phát.
6.	187/2007/NĐ-CP	25/12/2007	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông.
7.	90/2008/NĐ-CP	13/8/2008	Về chống thư rác.
8.	97/2008/NĐ-CP	28/8/2008	Về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet.
9.	121/2008/NĐ-CP	03/12/2008	Về hoạt động đầu tư trong lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông.
10.	11/2009/NĐ-CP	10/02/2009	Sửa đổi, bổ sung Nghị định 111/2005/NĐ-CP ngày 26/8/2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản.
11.	28/2009/NĐ-CP	20/3/2009	Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin

STT	Số và ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
			điện tử trên Internet.
12.	50/2009/NĐ-CP	25/05/2009	Bổ sung điều 12a Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2004 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về bưu chính, viễn thông và tần số vô tuyến điện.
13.	102/2009/NĐ-CP	06/11/2009	Về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn NSNN.
14.	55/2010/NĐ-CP	24/5/2010	Sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 142/2004/NĐ-CP ngày 8/7/2004 của Chính phủ về lĩnh vực bưu chính.
<b>Quyết định của Thủ tướng Chính phủ</b>			
1.	39/2007/QĐ-TTg	21/3/2007	Thay thế Quyết định 217/2003/QĐ-TTg ngày 27/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước dịch vụ bưu chính, viễn thông.
2.	51/2007/QĐ-TTg	12/4/2007	Phê duyệt chương trình phát triển Công nghiệp phần mềm tới năm 2010.
3.	56/2007/QĐ-TTg	03/5/2007	Phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp nội dung thông tin số đến năm 2010.
4.	75/2007/QĐ-TTg	28/5/2007	Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp điện tử Việt Nam tới năm 2010.
5.	186/2007/QĐ-TTg	03/12/2007	Về việc sửa đổi Quyết định số 191/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam.
6.	43/2008/QĐ-TTg	24/3/2008	Phê duyệt kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của CQNN năm 2008.
7.	60/2008/QĐ-TTg	02/5/2008	Về việc quản lý, sử dụng thiết bị gây nhiễu thông tin di động tế bào.
8.	65/2008/QĐ-TTg	22/5/2008	Về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích.
9.	88/2008/QĐ-TTg	04/7/2008	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Tần số vô tuyến điện thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông.
10.	1390/QĐ-TTg	29/9/2008	Ban hành Quy chế phối hợp cung cấp thông tin cho báo chí giữa Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
11.	155/2008/QĐ-TTg	01/12/2008	Phê duyệt phương án điều chỉnh cước dịch vụ điện thoại cố định nội hạt.
12.	22/2009/QĐ-TTg	16/02/2009	Phê duyệt Quy hoạch truyền dẫn, phát sóng PTTT đến năm 2020.
13.	37/2009/QĐ-TTg	06/3/2009	Phê duyệt phương án điều chỉnh giá cước dịch vụ



STT	Số và ký hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
			thư cơ bản (thư thường) trong nước đến 20gram.
14.	48/2009/QĐ-TTg	31/3/2009	Phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động CQNN giai đoạn 2009-2010.
15.	50/2009/QĐ-TTg	03/4/2009	Ban hành “Quy chế quản lý Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam”.
16.	1041/QĐ-TTg	22/7/2009	Phê duyệt đề án bảo đảm mạng lưới thông tin biển, đảo.
17.	125/2009/QĐ-TTg	23/10/2009	Về Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia.
<b>Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ</b>			
1.	04/2007/CT-TTg	22/02/2007	Tăng cường bảo hộ quyền tác giả đối với chương trình máy tính.
2.	30/2007/CT-TTg	13/12/2007	Về việc tăng cường bảo vệ các tuyến cáp viễn thông ngầm trên biển và bảo đảm an toàn viễn thông quốc tế.
3.	34/2008/CT-TTg	03/12/2008	Về việc tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của CQNN.
4.	422/CT-TTg	02/4/2010	Về tăng cường công tác quản lý và phát triển bền vững hạ tầng viễn thông.

**Phụ lục 6**  
**CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC BAN HÀNH, THÔNG QUA**  
**GIAI ĐOẠN 2011-2015**

-----

**Phụ lục 6.1**  
**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC QUỐC HỘI**  
**BAN HÀNH, THÔNG QUA GIAI ĐOẠN 2011-2015**

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
1.	19/2012/QH13	20/11/2012	Luật Xuất bản sửa đổi
2.	85/2015/QH13	19/11/2015	Luật An toàn thông tin mạng

**Phụ lục 6.2**  
**DANH MỤC CÁC VĂN BẢN ĐƯỢC CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**  
**BAN HÀNH, THÔNG QUA GIAI ĐOẠN 2011-2015**

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
<b>Nghị định</b>			
1.	02/2011/NĐ-CP	06/01/2011	Nghị định quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản
2.	25/2011/NĐ-CP	06/4/2011	Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông
3.	43/2011/NĐ-CP	13/6/2011	Nghị định quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước
4.	47/2011/NĐ-CP	17/6/2011	Nghị định quy định chi tiết thi hành một số nội dung của Luật Bưu chính
5.	50/2011/NĐ-CP	24/6/2011	Nghị định sửa đổi Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25/12/2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ TTTT
6.	51/2011/NĐ-CP	27/6/2011	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tần số vô tuyến điện
7.	58/2011/NĐ-CP	08/7/2011	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính
8.	72/2011/NĐ-CP	23/8/2011	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2005/NĐ-CP ngày 26/8/2005 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xuất bản đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định 11/2009/NĐ-CP ngày 10/2/2009 và NĐ 105/2007/NĐ-CP ngày 21/6/2007 của CP về hoạt động in các sản phẩm không phải là xuất bản phẩm

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
9.	83/2011/NĐ-CP	20/9/2011	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực viễn thông
10.	106/2011/NĐ-CP	23/11/2011	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15/02/2007 quy định chi tiết thi hành Luật Giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số
11.	77/2012/NĐ-CP	05/10/2012	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13/8/2008 của Chính phủ về chống thư rác
12.	72/2013/NĐ-CP	15/7/2013	Nghị định về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng (thay thế Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28/8/2008)
13.	132/2013/NĐ-CP	16/10/2013	Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ TTTT
14.	140/2013/NĐ-CP	22/10/2013	Nghị định về tổ chức và hoạt động của thanh tra TTTT
15.	154/2013/NĐ-CP	08/11/2013	Nghị định quy định về khu CNTT tập trung
16.	159/2013/NĐ-CP	12/11/2013	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động báo chí, xuất bản
17.	170/2013/NĐ-CP	13/11/2013	Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số và Nghị định số 106/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2007
18.	174/2013/NĐ-CP	13/11/2013	Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, CNTT và tần số vô tuyến điện
19.	195/2013/NĐ-CP	21/11/2013	Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản
20.	195/2013/NĐ-CP	21/11/2013	Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xuất bản
21.	18/2014/NĐ-CP	14/3/2014	Nghị định quy định chế độ nhuận bút trong hoạt động báo chí, xuất bản
22.	60/2014/NĐ-CP	19/6/2014	Nghị định quy định về hoạt động in
23.	72/2015/NĐ-CP	07/9/2015	Nghị định quy định về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại.
<b>Chỉ thị, nghị quyết</b>			
1.	897/CT-TTg	10/6/2011	Tăng cường các hoạt động đảm bảo an toàn thông tin số

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
2.	15/CT-TTg	22/5/2012	Tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong hoạt động của cơ quan nhà nước
3.	21/CT-TTg	06/8/2012	Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển thông tin đối ngoại giai đoạn 2011-2020
4.	26/NQ-CP	15/4/2015	Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển CNTT đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế
5.	47/NQ-CP	25/6/2015	Phê duyệt Hiệp định giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về hợp tác trong lĩnh vực thông tin liên lạc, CNTT và TT đại chúng
6.	36a-NQ/CP	14/10/2015	Chính phủ điện tử
<b>Quyết định</b>			
1.	119/QĐ-TTg	18/01/2011	Đề án phát triển thông tin, truyền thông nông thôn giai đoạn 2011-2020
2.	20/2011/QĐ-TTg	24/3/2011	Quy chế hoạt động truyền hình trả tiền
3.	35/2011/QĐ-TTg	27/6/2011	Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Viễn thông trực thuộc Bộ TTTT
4.	41/2011/QĐ-TTg	03/08/2011	Chỉ định doanh nghiệp thực hiện duy trì, quản lý mạng lưới bưu chính công cộng, cung ứng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ bưu chính quốc tế
5.	1643/QĐ-TTg	21/9/2011	Chương trình cung ứng dịch vụ viễn thông công ích giai đoạn 2011-2015
6.	55/2011/QĐ-TTg	14/10/2011	Ban hành Danh mục các doanh nghiệp viễn thông mà Nhà nước nắm cổ phần chi phối
7.	72/2011/QĐ-TTg	22/12/2011	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 65/2008/QĐ-TTg ngày 22/5/2008 về cung ứng dịch vụ bưu chính công ích
8.	2451/QĐ-TTg	27/12/2011	Phê duyệt đề án số hoá truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020
9.	16/2012/QĐ-TTg	08/3/2012	Quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện
10.	32/2012/QĐ-TTg	27/7/2012	Phê duyệt Quy hoạch phát triển viễn thông quốc gia đến năm 2020
11.	1209/QĐ-TTg	04/9/2012	Phê duyệt Quy hoạch phát thanh truyền hình đối ngoại đến năm 2020
12.	1212/QĐ-TTg	05/9/2012	Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo giai đoạn 2012-2015

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
13.	45/2012/QĐ-TTg	23/10/2012	Tiêu chí xác định công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia
14.	1671//QĐ-TTg	08/11/2012	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2451/QĐ-TTg ngày 27/12/2011 phê duyệt Đề án số hóa truyền dẫn, phát sóng truyền hình mặt đất đến năm 2020
15.	1746/QĐ-TTg	16/11/2012	Chuyển quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Bưu chính Việt Nam từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về Bộ TTTT
16.	368/QĐ-TTg	28/02/2013	Chương trình hành động của Chính phủ về thông tin đối ngoại giai đoạn 2013-2020
17.	18a/2013/QĐ-TTg	29/3/2013	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý hoạt động truyền hình trả tiền ban hành kèm theo Quyết định số 20/2011/QĐ-TTg ngày 24/3/2011 của Thủ tướng Chính phủ
18.	550/QĐ-TTg	04/4/2013	Đề án truyền thông về phòng ngừa, ngăn chặn vận chuyển, kinh doanh gia cầm, sản phẩm gia cầm nhập khẩu trái phép và vệ sinh an toàn thực phẩm
19.	25/2013/QĐ-TTg	04/5/2013	Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí
20.	26/2013/QĐ-TTg	10/5/2013	Quy định việc thiết lập và hoạt động của mạng viễn thông dùng riêng phục vụ các cơ quan Đảng, Nhà nước
21.	1378/QĐ-TTg	12/8/2013	Phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đại diện của cơ quan thông tấn, báo chí Việt Nam ở nước ngoài đến năm 2020
22.	1448/QĐ-TTg	19/8/2013	Phê duyệt Quy hoạch phát triển dịch vụ phát thanh, truyền hình Việt Nam đến năm 2020
23.	1536/QĐ-TTg	30/8/2013	Phê duyệt Chương trình hành động của Chính phủ về tuyên truyền, quảng bá ASEAN
24.	2022/QĐ-TTg	05/11/2013	Ký Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và Chính phủ Liên bang Nga về hợp tác trong lĩnh vực thông tin liên lạc, CNTT và truyền thông đại chúng
25.	2043/QĐ-TTg	05/11/2013	Phê duyệt Đề án Tuyên truyền về An toàn giao thông giai đoạn 2013-2015
26.	2159/QĐ-TTg	11/11/2013	Phê duyệt và ký Bản ghi nhớ giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á và Cộng hòa dân chủ nhân dân Trung Hoa về hợp tác trong lĩnh vực CNTT và Truyền thông
27.	2166/QĐ-TTg	11/11/2013	Phê duyệt các văn kiện sửa đổi, bổ sung được thông qua tại Đại hội Liên minh Bưu chính thế giới (UPU) lần thứ 25
28.	71/2013/QĐ-TTg	21/11/2013	Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia
29.	99/QĐ-TTg	14/01/2014	Phê duyệt Đề án Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn, an ninh thông tin đến năm 2020

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
30.	109/QĐ-TTg	15/01/2014	Thành lập Ủy ban Quốc gia về ứng dụng CNTT
31.	115/QĐ-TTg	16/01/2014	Phê duyệt Quy hoạch phát triển xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030
32.	11/2014/QĐ-TTg	27/01/2014	Tổ chức và hoạt động của Quỹ Dịch vụ viễn thông công ích Việt Nam
33.	211/QĐ-TTg	27/01/2014	Phê duyệt Thê lệ Viễn thông quốc tế sửa đổi
34.	284/QĐ-TTg	24/02/2014	Ngày Sách Việt Nam
35.	296/QĐ-TTg	26/02/2014	Ban hành Kế hoạch thông tin đối ngoại của Chính phủ năm 2014
36.	835/QĐ-TTg	03/6/2014	Phê duyệt các băng tần được đấu giá quyền sử dụng tần số vô tuyến điện
37.	888/QĐ-TTg	10/6/2014	Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam giai đoạn 2014-2015
38.	38/2014/QĐ-TTg	01/7/2014	Quy định về đấu giá, chuyển nhượng quyền sử dụng kho số viễn thông, tên miền internet
39.	1290/QĐ-TTg	01/8/2014	Phê duyệt Kế hoạch hành động phát triển ngành công nghiệp điện tử thực hiện Chiến lược công nghiệp hóa của Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác Việt Nam-Nhật Bản hướng đến năm 2020, tầm nhìn 2030
40.	1572/QĐ-TTg	05/9/2014	Phê duyệt Đề án Tuyên truyền về xây dựng gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình trên các phương tiện thông tin đại chúng đến năm 2020
41.	1592/QĐ-TTg	09/9/2014	Thành lập Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia trực thuộc Bộ TTTT
42.	1593/QĐ-TTg	09/9/2014	Ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ TTTT
43.	1694/QĐ-TTg	22/9/2014	Phê duyệt Đề án Nâng cao chất lượng Giải Báo chí quốc gia
44.	1939/QĐ-TTg	28/10/2014	Phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống TTTT các vùng biên giới biển, vùng biển, đảo Việt Nam đến năm 2020
45.	1984/QĐ-TTg	31/10/2014	Phê duyệt Đề án cung ứng dịch vụ phát thanh, truyền hình qua mạng internet phục vụ người Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2015-2020
46.	2053/QĐ-TTg	13/11/2014	Phê duyệt Đề án Truyền thông về xây dựng xã hội học tập
47.	80/2014/QĐ-TTg	30/12/2014	Quy định thí điểm về thuê dịch vụ CNTT trong cơ quan nhà nước

TT	Số hiệu	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung
48.	2407/QĐ-TTg	31/12/2014	Phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển khu CNTT tập trung đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025
49.	01/2015/QĐ-TTg	07/01/2015	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 22/2009/QĐ-TTg ngày 16/02/2009 về việc phê duyệt quy hoạch truyền dẫn, phát sóng phát thanh, truyền hình đến năm 2020
50.	288/QĐ-TTg	04/3/2015	Chuyển giao Trường Trung học Bưu chính, Viễn thông và CNTT miền núi từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về tỉnh Thái Nguyên
51.	294/QĐ-TTg	05/3/2015	Điều chuyển Bệnh viện Bưu điện tại Hà Nội từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về Bộ Y tế
52.	331/QĐ-TTg	10/3/2015	Chuyển giao Trường Trung học Bưu chính, Viễn thông và CNTT I từ Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam về UBND tỉnh Hà Nam
53.	392/QĐ-TTg	27/3/2015	Phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển ngành công nghiệp CNTT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025
54.	587/QĐ-TTg	05/5/2015	Ban hành Kế hoạch thông tin đối ngoại của Chính phủ giai đoạn 2015-2017
55.	616/QĐ-TTg	11/5/2015	Phê duyệt kế hoạch triển lãm bản đồ và trưng bày tư liệu về chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa
56.	714/QĐ-TTg	22/5/2015	Ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển chính phủ điện tử
57.	752/QĐ-TTg	2/6/2015	Chuyển Đài Truyền hình Kỹ thuật số VTC từ Bộ TTTT về trực thuộc Đài Tiếng nói Việt Nam
58.	893/QĐ-TTg	19/6/2015	Phê duyệt Đề án tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức và trách nhiệm về an toàn thông tin đến năm 2020
59.	1168/QĐ-TTg	24/7/2015	Phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2020.
60.	29/2015/QĐ-TTg	30/7/2015	Ban hành phân bổ băng tần (470-10700 MHz) phục vụ mục đích kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh.
61.	1615/QĐ-TTg	15/9/2015	Ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền về các sự kiện hội nhập quốc tế nổi bật 2015-2016.
62.	45/2015/QĐ-TTg	24/9/2015	Cung ứng dịch vụ bưu chính công ích và dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí.
63.	1819/QĐ-TTg	26/10/2015	Phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020.